

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Tấn Phát và bà Mai Thị Ngọc Tuyết

*Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986; HKTT: Khu phố ....., phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: 03 Tr., phường ..., Tp Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Bị đơn: Anh Võ Đình H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu phố ..., phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, Tp T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 22 ngày 27/4/2006. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, anh H xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị và gia đình chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng không được gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng sống xa nhau từ tháng 02/2021 cho đến nay, không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị T

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Hoàng M, sinh ngày 11/6/2007 và Võ Minh K, sinh ngày 20/02/2019. Từ khi vợ chồng sống xa nhau, anh H nuôi dưỡng cháu M, chị T nuôi dưỡng cháu K nhưng đến tháng 10/2021 anh H cùng người nhà anh H đến chỗ chị T sống (Tp Đ, tỉnh Lâm Đồng) và tự ý bắt cháu K về nuôi dưỡng nên hiện nay 02 con chung đang do anh H nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T tha thiết yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K vì hiện cháu K còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ; Anh H nuôi dưỡng cháu M; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

\* Bị đơn anh Võ Đình H vắng mặt nên không có lời trình bày

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Bị đơn anh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh H; Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng M cho anh H nuôi dưỡng; giao cháu Võ Minh K cho chị T nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Đình H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 22 ngày 27/4/2006 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng

quan điểm sống, anh H xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị và gia đình chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho anh H để lấy lời khai và H giải nhưng anh H không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy anh H không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai như chị T trình bày là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

[2.2] Về con chung: Theo nguyên đơn chị T trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Hoàng M, sinh ngày 11/6/2007 và Võ Minh K, sinh ngày 20/02/2019. Từ khi vợ chồng sống xa nhau (tháng 02/2021), cháu M do anh H nuôi dưỡng, cháu Võ Minh K do chị T nuôi dưỡng nhưng đến tháng 10/2021 anh H cùng người nhà anh H đến chỗ chị T sống (Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) tự ý đưa cháu K về nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Võ Hoàng M hiện đang được anh H nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M nên cần tiếp tục giao cháu M cho anh H nuôi dưỡng; đối với cháu Võ Minh K, sinh ngày 20/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/3/2022) là 36 tháng 28 ngày, còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ và hiện nay chị T có công việc ổn định nên cần giao cháu K cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào và không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Võ Đình H.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng M, sinh ngày 11/6/2007 cho anh Võ Đình H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Võ Minh K, sinh ngày 20/02/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Hiện nay cháu M và cháu K đang sống với anh H; Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004859 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND phường P, Tp T;  
(Số 66, quyền số 22/2006)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Tân Sang**